

"Chúng ta đang trải qua cuộc khủng hoảng tài chính tồi tệ nhất từ nửa thế kỷ qua", câu nói này của TT Mỹ Bill Clinton nhân hội nghị thường niên của IMF và WB tháng 10.1998 không hề là một câu nói mang tính cách "chính trị" của một tổng thống đang vì những vấp

2%/năm. Cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất từ nửa thế kỷ qua này, còn có thể được biểu thị bởi con số hơn 40% đồng vốn trong các ngân hàng biến ra khói sau khi các quỹ đầu cơ (hedge funds) sụp đổ, các ngân hàng sập tiệm vì nợ khó đòi từng được cho vay dễ dãi. Cuộc khủng hoảng bắt đầu từ Thái Lan vào tháng 7.1997 đã nhanh chóng trở thành cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất nửa thế kỷ qua bởi tác động "domino" của nó, Philippines, Malaysia, Indonesia nhanh chóng rơi

mark), các nước này nâng lãi suất ngân hàng. Tháng 7.1998, lãi suất ngắn hạn ở Nga lên đến 100%. Lãi suất cao dẫn đến tăng trưởng giảm hoặc phá sản. Gần phân nửa nền kinh tế thế giới chìm trong khủng hoảng dẫn đến những cơn "động kinh" thường xuyên trên các thị trường chứng khoán thế giới, từ New York, London, Frankfurt... đến Hồng Kông, sau mỗi cơn "động kinh" lại có một số ngân hàng đầu tư và thương mại, quỹ đầu cơ, tập đoàn, công ty khánh tận.

lớn nhất không chỉ về kinh tế trong năm 1999 này, đặc biệt đối với những nước mà sự phát triển dựa hoàn toàn hay phần lớn vào việc xuất khẩu dầu hỏa.

Thế nhưng, nền kinh tế thế giới không chỉ gồm các hoạt động sản xuất hoặc thương mại mà còn bao gồm cả những hoạt động mang tính đầu cơ trên các thị trường tài chính. Mỗi ngày, các thương vụ tài chính lên đến 1.500 tỷ USD, lớn gấp nhiều lần so với các hoạt

MỘT NĂM NHÌN LẠI

KINH TẾ THẾ GIỚI

DANH ĐỨC

hầm trong nước mà đem "con ma" khủng hoảng tài chính ra dọa, mà là một nhận định rất chính xác và rất có cơ sở về tình hình kinh tế - tài chính thế giới năm 1998: tồi tệ nhất từ nửa thế kỷ qua. Nhận xét trên của TT Mỹ Bill Clinton được kèm theo bởi lời hô hào cả thế giới cùng chiến đấu chống lại cuộc khủng hoảng toàn cầu. Nghe qua có vẻ giống như lời kêu gọi chống thâm họa đến từ bên ngoài trái đất trong bộ phim "Ngày độc lập", song dù muốn dù không Mỹ chính là đầu tàu của cả hệ thống kinh tế tự do mà từ cuối thập niên 80 đã một mình một chợ tồn tại như là mô hình duy nhất. IMF, chủ nhân hội nghị, công bố ngay những số liệu đáng lo ngại: tăng trưởng chung toàn thế giới năm 1998 chỉ còn 2% thay vì 4% của năm 1997. Ngay cả châu Âu, được đánh giá hiện là khu vực tăng trưởng mạnh nhất thế giới, sau khi Đông Nam Á đã chìm ngấm trong khủng hoảng, hiện nay cũng chỉ ở ngưỡng tăng trưởng

vào khủng hoảng, ba tháng sau đến lượt Hàn Quốc, tất cả chỉ vì những khoản nợ khó đòi của một thời phóng tay quá trớn. Hàng loạt tập đoàn, công ty phá sản biến các cổ phiếu của chúng trên các thị trường chứng khoán trở thành những tờ giấy lộn, những nhà đầu tư nước ngoài cùng lúc rút vốn khiến ngân khố cạn kiệt trữ tệ, dân chúng đổ xô tìm đến giá trị trú ẩn là đồng đôla, cung ít cầu nhiều, chính phủ các nước phải thả nổi tỷ giá. Nhật Bản do 40% hoạt động mậu dịch là với các nước Đông Á nên bị thua thiệt trong cán cân xuất nhập khẩu với các nước này, mặt khác do đầu tư quá nhiều vào các nước ấy nên nay khi các nước này phá sản cũng mất vốn theo: khoảng 500 tỷ USD nợ khó đòi đã khiến các ngân hàng Nhật lao đao. Rồi đến lượt Brazil cùng châu Mỹ la tinh và Nga cùng các nước gần gũi với Nga vào đầu mùa hè năm 1998. Nhằm ngăn chặn việc đổ xô mua vào các ngoại tệ mạnh (đồng USD hoặc đồng yen hay đồng

Trong bối cảnh đó, chẳng mấy nước còn bụng dạ nào để nhập khẩu. Tất cả nhao nhao hạ tỷ giá để xuất khẩu, càn xuất khẩu lợi nhuận của các nhà công nghiệp càng giảm, thu nhập công nhân càng giảm theo. Những nước đã từng xây dựng kế hoạch phát triển hướng đến xuất khẩu nay đang đứng trước vấn nạn: thị trường nội địa không bù đắp được những mất mát trên thị trường xuất khẩu. Khủng hoảng thừa là một trong những yếu tố bất trắc lớn nhất đe dọa năm 1999 này. Bên cạnh đó, chính nỗ lực xuất khẩu đã khiến cho giá cả nguyên liệu xuống đến mức chưa từng thấy, đặc biệt là giá dầu thô. Các nước OPEC, sau những "chiến thắng" của các cuộc khủng hoảng dầu hỏa đầu thập niên 70, nay vừa rơi vào trong tình trạng mất thu nhập - giá dầu từ 17, 18 USD/thùng vào đầu năm nay chỉ còn xấp xỉ 10/USD/thùng, vừa rơi vào trong tình trạng phân hóa. Dầu hỏa sẽ là một trong những yếu tố gây bất trắc

động sản xuất. Một số ý kiến tổ cáo "nền kinh tế bài bạc" (économie de casino) này. Thủ tướng Mahathir của Malaysia không phải là người duy nhất tổ cáo sự lũng đoạn của những người đầu cơ tài chính này và chủ trương kiểm soát các hoạt động của thị trường này. Năm 1998 đã là năm mà hơn bao giờ hết, chính nền tảng lý luận của hệ thống kinh tế tự do bị xét lại đúng vào lúc mà hệ thống này đang tiến đến cao điểm sự hô hào toàn cầu hóa do những định chế của hệ thống này là IMF, WB, WTO cùng một lúc linh xướng và đặt ra làm nền tảng cho mọi đối thoại và hợp tác với các nước. Có thể tóm tắt nền tảng lý thuyết của hệ thống này như sau: tự do lưu thông vốn - tự do đầu tư - tự do lưu thông hàng hóa và dịch vụ. Ba điều khoản "tự do" này đều là nền tảng cho mọi văn kiện "tổ chức", từ Hiệp định Maastricht của EU đến "Tầm nhìn 2020" của ASEAN và của APEC. Trong mọi thỏa hiệp giữa

IMF, WB hoặc WTO với bất cứ nước nào, ba điều khoản "tự do" vừa nêu đều là những điều kiện cơ bản. Thế nhưng, "tự do lưu thông vốn", "tự do đầu tư" cũng còn là tự do đầu cơ. Bất ngờ của năm 1998 là việc ngay giữa hội nghị IMF và WB đã nổi lên những ý kiến của chính IMF và WB chấp nhận một sự kiểm soát nào đó của sự "tự do lưu thông vốn, đầu tư" này. Nhà kinh tế học Nobel kinh tế 1981 James Tobin, người mà trong những năm 70 đã sớm đề xuất thiết đặt một sắc thuế là 0,1% đánh trên những thương vụ chuyển dịch vốn để gây quỹ phát triển toàn thế giới, đã tuyên bố "Để cho một quốc gia mới phát triển hay đang phát triển tồn tại, phải dành lại cho quốc gia đó một quyền độc lập tối thiểu về chính sách tiền tệ của mình chứ không cứ nhất nhất phải căn cứ trên lãi suất ở New York, Frankfurt hay Tokyo. Các nền kinh tế đang phát triển chưa thể sẵn sàng đáp ứng yêu cầu 'tự do lưu thông vốn'". Những ý kiến như trên trong thực tế đã bắt đầu làm lung lay huyền thoại "độc tôn chân lý" của hệ thống kinh tế tự do. Không những về mặt lý luận, hệ thống kinh tế này lung lay, mà cả về mặt thực hành, hệ thống này cũng bị chất vấn. IMF, trong vai trò "cánh tay cầm chịch" của hệ thống này, đã bị tố cáo là không đem xia đến yếu tố xã hội và con người trong việc áp đặt những điều kiện hợp tác và cứu trợ quá "chính thống": hàng triệu người thất nghiệp, hàng chục triệu người thiếu ăn do những biện pháp "duy kinh tế" ở những nước Đông Á khủng hoảng phải chịu chấp hành những yêu cầu cải cách của IMF. Hội nghị IMF và WB tháng 10.1998 còn đã được ghi nhận như là lần đầu tiên mà yếu tố xã hội được đem ra cân nhắc.

Nếu nhìn lại cuộc khủng hoảng Đông Á, sẽ thấy bên cạnh những tố cáo rằng chính các nước này đã "tự đào mồ chôn mình" qua những khoản



cho vay thiếu cân nhắc và dựa trên "móc ngoặc", thì cũng có những ý kiến bênh vực các nước này, như ý kiến của nhà kinh tế học Tobin vừa nêu trên: "Các nước này đã từng có trong tay rất nhiều tiền và đã sử dụng khá tốt đồng tiền đó. Các nước đã tạo ra được một sự phát triển thực sự chứ không chỉ đơn thuần là tính đầu cơ, như người ta thường nói. Đó là những nước có biết tiết kiệm tích lũy và có nền giáo dục rất tốt - hai trong số những điều kiện để phát triển. Chẳng có gì là "ảo" trong quá trình tăng trưởng lên đến 6% hay 8% ở các nước này cả. Đó là một sự phát triển thực".

Tất nhiên, đây chỉ là những ý kiến tham khảo chứ không thể xem là những "chân lý". Vấn đề đặt ra là thử tìm hiểu xem VN nằm ở đâu trong cục diện kinh tế thế giới này. Nếu đối chiếu các thông số kinh tế của VN cùng với của các nền kinh tế khác

của thế giới trong năm qua, không thể không ghi nhận rằng tỷ lệ tăng trưởng của VN cũng như nguồn vốn (đầu tư nước ngoài) sụt giảm trong một chừng mực nào đó là do tác động của cuộc khủng hoảng khu vực và thế giới bên cạnh những lý do nội tại (chính sách, thực hiện chính sách...). Hậu quả này đã không nghiêm trọng lắm trong lĩnh vực tài chính do lẽ đồng tiền VN vẫn, may mắn thay, chưa là một ngoại tệ chuyển đổi, song rõ ràng là đã có một khủng hoảng "dội chợ" trên thị trường xuất khẩu do "dụng chớ" với hàng hóa các nước Đông Nam Á đã phá giá tiền tệ của họ. Nếu nhìn kỹ lại, sẽ thấy sự cảm nhận ngoại tệ này đã đến khá muộn: đầu năm, ta vẫn chưa hẳn nghĩ là sẽ chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng Đông Nam Á, vẫn ấn định "chỉ tiêu tăng trưởng tỷ lệ GDP cao (gần như năm ngoái), đến giữa năm mới thực sự cảm nhận

để rồi sau đó điều chỉnh lại chỉ tiêu tăng trưởng - tất nhiên, sự sụt giảm tỷ lệ tăng trưởng của VN không đáng kể so với các nước khác trong khu vực. Nhìn lại như thế để thấy rằng phải mất đúng một năm để có thể cảm nhận thực sự rằng cuộc khủng hoảng khu vực có tác động đến VN qua việc một số nước Đông Á vốn từng là chủ đầu tư khá lớn ở VN nay tạm ngưng hoặc giảm đầu tư do gặp khủng hoảng. Nếu cảm nhận sớm hơn, có lẽ đã sớm tận dụng thời cơ khủng hoảng của các nước này, ít nhất cũng trong việc hoàn thiện và triển khai các chính sách thu hút đầu tư để khai thác ưu thế chi phí nhân công của mình. Việc gia nhập APEC tiếp nối việc gia nhập ASEAN không thể chỉ được xem như là những thắng lợi ngoại giao chứng tỏ ý muốn hội nhập với thế giới mà còn phải được nhìn nhận, cả bởi những nhà hoạch định chính sách, những người thực hiện chính sách và giới doanh nghiệp, như là những động lực thúc đẩy cải cách để có thể tồn tại trong những thị trường mở rộng như thế ngõ hầu tránh nguy cơ bị đứng bên lề thị trường thế giới do không cạnh tranh nổi, một nguy cơ đe dọa nhóm 40 nước được đánh giá là yếu nhất về kinh tế ■

Thông báo

Ban biên tập Tạp chí Phát triển kinh tế kính mời bạn đọc tham gia viết bài và mua tạp chí quý II/1999 theo các chủ đề sau:

- Tháng 4.1999: Thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài.
- Tháng 5.1999: Lý luận và thực tiễn thuế giá trị gia tăng của VN.
- Tháng 6.1999: Hoàn thiện cơ chế và nâng cao năng lực điều hành tỷ giá hối đoái.

PTKT